

Số: 14/TB-THHTĐ

Hồng Thái Đông, ngày 04 tháng 4 năm 2023

THÔNG BÁO

Công khai Kế hoạch phát triển năm học 2023-2024; Danh mục mua sắm TBDDH tối thiểu của nhà trường 2023; Chất lượng kiểm ra giữa HK2 khối 4,5 năm học 2022-2023; Thực hiện Ngân sách quý I năm 2023

Căn cứ Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 “Nghị định về thực hiện dân chủ trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập” của Chính Phủ;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ tài chính về việc Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ tài chính “Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 11/2020/TT-BGD&ĐT ngày 19/05/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Thông tư 28/2020/TT- BGDDT ngày 04/09/2020 Thông tư ban hành Điều lệ trường tiểu học;

Căn cứ Công văn số 988/PGD&ĐT ngày 07/09/2022 của Phòng GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học, năm học 2022-2023;

Căn cứ vào kế hoạch số 216/KH-THHTĐ ngày 31/08/2022 của Trường TH Hồng Thái Đông về việc Thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2022-2023;

Căn cứ kế hoạch số 304/KH-THHTĐ ngày 22/10/2022 của Trường TH Hồng Thái Đông về việc Thực hiện nhiệm vụ năm học 2022-2023;

Căn cứ kế hoạch số 213/KH-THHTĐ ngày 30/8/2022 của Trường TH Hồng Thái Đông về việc thực hiện công khai năm học 2022-2023;

Căn cứ Quyết định số 67/QĐ-THHTĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 của trường Tiểu học Hồng Thái Đông về việc công khai Kế hoạch phát triển năm học 2023-2024; Danh mục mua sắm TBDDH tối thiểu của nhà trường 2023; Chất

lượng kiểm ra giữa HK2 khối 4,5 năm học 2022-2023; Thực hiện Ngân sách quý I năm 2023 của trường Tiểu học Hồng Thái Đông;

I. Trường Tiểu học Hồng Thái Đông thông báo công khai Kế hoạch phát triển năm học 2023-2024; Danh mục mua sắm TBDDH tối thiểu của nhà trường 2023; Chất lượng kiểm ra giữa HK2 khối 4,5 năm học 2022-2023; Thực hiện Ngân sách quý I năm 2023 cụ thể như sau:

1. Kế hoạch phát triển năm học 2023-2024;
2. Danh mục mua sắm TBDDH tối thiểu của nhà trường 2023;
3. Chất lượng kiểm ra giữa HK2 khối 4,5 năm học 2022-2023;
4. Thực hiện Ngân sách quý I năm 2023;

II. Thời gian công khai: 30 ngày (từ ngày 04/04/2023 đến ngày 04/05/2023)

III. Địa điểm công khai: Bảng thông báo, trang web của nhà trường.

Trên đây là Thông báo công khai Công khai Kế hoạch phát triển năm học 2023-2024; Danh mục mua sắm TBDDH tối thiểu của nhà trường 2023; Chất lượng kiểm ra giữa HK2 khối 4,5 năm học 2022-2023; Thực hiện Ngân sách quý I năm 2023 của trường Tiểu học Hồng Thái Đông.

Nơi nhận:

- CBGV-NV(n/b);
- Lưu: HSKK.

HIỆU TRƯỞNG

Dương Thị Thúy Hằng

Số: 70/KH-THHTĐ

Hồng Thái Đông, ngày 06 tháng 2 năm 2023

KẾ HOẠCH

Phát triển giáo dục năm học 2023-2024

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch.

Căn cứ Công văn số 18/SGDDĐT-KHTC ngày 05/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc lập Kế hoạch phát triển giáo dục năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn số 27/PGD&ĐT-KH ngày 06/01/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc lập Kế hoạch phát triển giáo dục năm học 2023-2024;

Căn cứ vào kết quả đã đạt được trong năm học 2022-2023 và tình hình thực tế của nhà trường;

Trường Tiểu học Hồng Thái Đông xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường năm học 2023-2024 như sau:

II. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

1. Đặc điểm tình hình nhà trường.

* Thuận lợi.

- Được sự quan tâm lãnh đạo của UBND thị xã, Phòng GD&ĐT, Đảng ủy, Chính quyền địa phương và các ban ngành đoàn thể tại địa phương, sự đồng thuận của PHHS trong việc xây dựng cơ sở vật chất nhà trường theo hướng kiên cố hóa và chuẩn hóa trường lớp.

- Trường đủ cơ cấu bộ máy tổ chức theo quy định đáp ứng các yêu cầu của Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Đội ngũ CBGV-NV có tinh thần tự giác, ý thức trách nhiệm, vững vàng về chuyên môn có kinh nghiệm tạo được uy tín trong phụ huynh. 100% CBGV có trình độ đại học đạt chuẩn về trình độ để đáp ứng CTGDPT 2018.

- Đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường có năng lực, linh hoạt, giám nghĩ giám làm và giám chịu trách nhiệm trong công việc chung. Có đủ giáo viên dạy các bộ môn: Âm nhạc, Mĩ thuật, Tiếng Anh, GDTC, Tin học có trách nhiệm với công việc. Đội ngũ giáo viên có 42/42 giáo viên đạt trình độ Đại học.

- Khuôn viên nhà trường gọn gàng sạch đẹp, nhà trường có 26 phòng/30 lớp, có 04 phòng học chức năng gồm: 01 phòng tin học, 01 phòng ngoại ngữ, 01 phòng nghệ thuật, 01 phòng trải nghiệm, có đầy đủ bàn ghế học sinh 02 chỗ ngồi đảm bảo quy chuẩn của BGD&ĐT, trang thiết bị tương đối đáp ứng yêu cầu phục vụ cho dạy và học.

- Đa số học sinh ngoan, có ý thức rèn luyện, thi đua trong học tập, thực hiện

tốt có ý thức trong việc thực hiện nội quy của nhà trường. Phụ huynh học sinh có sự phối hợp và đồng thuận với nhà trường, tạo điều kiện thuận lợi việc huy động học sinh ra lớp.

* *Khó khăn.*

- Diện tích hẹp chưa đảm bảo theo Thông tư 13/2017, cơ sở vật chất kiên cố và bán kiên cố chưa đủ 01 phòng học/01 lớp.

- Năng lực chuyên môn của giáo viên chưa đồng đều, việc tự học, tự rèn của một số giáo viên chưa hiệu quả, chưa sáng tạo trong công việc, đổi mới phương pháp dạy học chưa rõ nét. Một số giáo viên có trình độ đào tạo Đại học tuy nhiên chất lượng dạy học chưa có sự tương đồng chiếm 10,3%. Một số giáo viên có chứng chỉ tiếng anh nhưng thực tế khả năng vận dụng ngoại ngữ trong tìm kiếm tư liệu dạy học còn hạn chế chiếm 30%.

- Nhận thức của một số học sinh chưa đồng đều, một số em còn chậm, kỹ năng sống và các kỹ năng cơ bản còn hạn chế, học sinh còn chưa mạnh dạn, chưa tích cực trong học tập chiếm 35%.

- Một số phụ huynh còn tư tưởng trông chờ ỉ lại, thường xuyên đi làm ăn xa để con ở nhà cho ông bà nên công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình chưa hiệu quả chiếm 25%.

- Hiện tại nhà trường thiếu 01 phòng học tin học và 04 phòng học văn hóa và phòng học đa chức năng, nhà đa năng và một số phòng phụ trợ. Kinh phí đầu tư để mua sắm trang thiết bị dạy học còn hạn chế.

2. Yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến sự phát triển giáo dục.

Trường Tiểu học Hồng Thái Đông có những điểm mạnh, điểm yếu cũng như cơ hội và thách thức ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục của nhà trường như sau:

	Điểm mạnh	Điểm yếu	Ảnh hưởng đến HD của nhà trường
Môi trường bên trong	- CBQL đạt chuẩn và có năng lực QTNT linh hoạt, sáng tạo. - Đa số HS chăm ngoan, lễ phép. - Chất lượng giáo dục luôn ổn định, HS đạt nhiều giải cao trong các cuộc thi- giao lưu cấp thị xã, cấp tỉnh. - Các hoạt động dạy học trong nhà trường được tổ chức đa dạng, linh hoạt, phù hợp tình hình nhà trường và địa phương.	- Chưa đảm số lượng GV dạy 2 buổi/ngày; 100% GV đạt trình độ chuẩn. - Một số GV lớn tuổi nên việc UDCNTT còn hạn chế. - Nhiều GV chưa được đào tạo chính quy mà chủ yếu theo hình thức liên thông. - Số lượng phòng học thiếu nên chưa đáp ứng dạy 2 buổi/ngày. - Sân chơi, bãi tập còn thiếu và chưa đạt chuẩn.	- Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày của nhà trường. - Việc UDCNTT của GV còn hạn chế nên ảnh hưởng đến chất lượng dạy học. Chất lượng đội ngũ GV chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới GD hiện nay. - Việc tổ chức dạy học phát triển năng lực, phẩm chất hs. - Ảnh hưởng đến việc tổ chức các hoạt động ngoại trời

		- HS còn hạn chế về năng lực (tự học, tự giải quyết vấn đề) và KNS (tự bảo vệ, tìm kiếm sự hỗ trợ,...) - Ngân sách chưa đủ để đảm bảo tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường.	- Tổ chức dạy học hoạt động trải nghiệm, các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, ... - Góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường.
	Cơ hội	Thách thức	Ảnh hưởng đến HĐ của nhà trường
Môi trường bên ngoài	- CNTT phát triển nhanh như vũ bão. - Trình độ dân trí ngày càng được nâng cao. - Sự phát triển kinh tế của địa phương. - Cơ chế, chính sách của địa phương về giáo dục.	- CNTT phát triển nhanh như vũ bão (ko theo kịp, ko nắm bắt, ko điều khiển được,...)	- Việc tuyên truyền các chủ trương đường lối, các văn bản chỉ đạo các cấp, kế hoạch tổ chức HDDH và GD của nhà trường nhanh chóng thuận lợi. - Nhà trường nắm bắt và vận dụng CNTT vào dạy học và quản trị nhà trường nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. - Giúp nhà trường phối hợp giáo dục HS tốt hơn. - Tạo thuận lợi cho nhà trường trong công tác huy động nguồn kinh phí XHH giáo dục.

II. Quy mô trường, lớp, học sinh.

1. Kết quả thực hiện năm học 2022-2023.

1.1. Quy mô số lớp, số học sinh.

	Số lớp	Số học sinh	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
			Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS
Học sinh	30		6	176	6	158	6	175	6	208	6	183
- Nữ				90		63		86		105		91
- Dân tộc ít người				1		2		3		2		
Học 6 buổi/tuần												
Học 7 buổi/tuần												
Học 8 buổi/tuần	09		2	41	2	37	2	46	1	19	2	38
Học 9 buổi/tuần	21		4	135	4	121	4	129	4	187	4	144
Học 10 buổi/tuần												
HS học ngoại ngữ:	30											
- T. Anh 2 tiết/tuần	12		6	176	6	158						
- T. Anh 4 tiết/tuần	18						6	175	6	206	6	182
HS học Tin học	18						6	175	6	206	6	182
HS nghèo, khó khăn				3		10		2		6		10
HS khuyết tật				1		3		3		1		1

- Tổng số điểm trường: 03 điểm trường (01 điểm trường chính, 02 điểm trường lẻ).

2. Kế hoạch năm học 2024-2025.

2.1. Quy mô số lớp, số học sinh.

	Số lớp	Số học sinh	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
			Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS
Học sinh	30	911	6	190	6	175	6	158	6	175	6	207
- Nữ		455		105		90		63		86		105
- Dân tộc ít người		08				1		2		3		2
Học 6 buổi/tuần												
Học 7 buổi/tuần												
Học 8 buổi/tuần												
Học 9 buổi/tuần	30	911	6	190	6	175	6	158	6	175	6	207
Học 10 buổi/tuần												
HS học ngoại ngữ:	18	540										
- T. Anh 2 tiết/tuần												
- T. Anh 4 tiết/tuần	18	540					6	158	6	175	6	207
HS học Tin học	18	540							6	175	6	207
HS nghèo, khó khăn		21				3		10		2		6
HS khuyết tật		08				1		3		3		1

- Tổng số điểm trường: 03 điểm trường (01 điểm trường chính, 02 điểm trường lẻ).

2.3. Dự kiến sát nhập: Không

2.4. Nhận xét đánh giá.

- So với năm học 2023-2024 quy mô lớp học giữ vững, tỉ lệ học sinh tăng 11 học sinh.

III. Việc huy động học sinh.

1. Kết quả thực hiện năm học 2022-2023.

1.1. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học.

- Hoàn thành chương trình lớp học: 228/228 HS đạt tỉ lệ 100%
- Chưa hoàn thành chương trình lớp học: 01/952 HS chiếm tỉ lệ 0,2%

1.2. Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1.

- Huy động 100% trẻ 6 tuổi ra lớp, không có học sinh bỏ học.
- Tỷ lệ học sinh học 2b/ngày:
 - + 100% học sinh được bố trí học 02 buổi/ngày.
 - + Chỉ đạo dạy các hoạt động giáo dục trong nhà trường cụ thể: Khối 1,2,3: 32 tiết/tuần. Khối 4,5: 28, 30 tiết/tuần.

Khối 1: 159 HS - Nữ: 66 HS	Khối 4: 182 HS - Nữ: 91 HS
Khối 2: 176 HS - Nữ: 84 HS	Khối 5: 228 HS - Nữ: 126 HS
Khối 3: 204 HS - Nữ: 106 HS	

1.3. Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

- Duy trì PCGDTH giữ vững phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 3, công nhận xóa mù chữ mức độ 2. Làm tốt công tác tham mưu cho Ban chỉ đạo

của xã Hồng Thái Đông về phổ cập giáo dục. Huy động và phối hợp với các lực lượng trong và ngoài nhà trường để tổ chức tốt ngày “Toàn dân đưa trẻ đến trường”. Phối hợp chặt chẽ với các trường trong địa bàn phường để cập nhật và quản lý hồ sơ phổ cập có hiệu quả trên phần mềm trực tuyến.

2. Kế hoạch năm học 2023-2024.

2.1. Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1.

- Huy động: 196/196 HS.

- Tỷ lệ học sinh học 2b/ngày: 900/900 HS đạt tỉ lệ 100%.

Khối 1: 176 HS - Nữ: 90 HS

Khối 2: 158 HS - Nữ: 63 HS

Khối 3: 175 HS - Nữ: 86 HS

Khối 4: 208 HS - Nữ: 105HS

Khối 5: 183 HS - Nữ: 91 HS

- Tỷ lệ học sinh là người DTTS được học 2b/ngày đạt 100%.

2.2. Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

- Tiếp tục thực hiện công tác phổ cập giáo dục tiểu học theo Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/03/2016 Quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Tăng cường công tác chủ nhiệm để quản lý học sinh. Phối hợp chặt chẽ với gia đình học sinh, sử dụng tốt các kênh thông tin giữa gia đình và nhà trường. Phân công các nhóm điều tra độ tuổi trên địa bàn trường quản lý khoa học đảm bảo chính xác.

2.3. Số lượng GV ngoại ngữ, Tin học thực hiện CTGDPT 2018.

- GV Ngoại ngữ: 03 đồng chí

- GV Tin học: 01 đồng chí

2.4. Nhận xét, đánh giá.

- Nhà trường bố trí lớp 3,4 học Tiếng Anh, Tin học theo CTGDPT 2018, khối lớp 5 thực hiện CTGDPT 2006 đối với môn Tiếng Anh và Tự chọn đối với môn Tin học.

- Nhà trường có 03 GV giảng dạy Tiếng Anh và 01 GV giảng dạy Tin học nên thuận lợi trong việc bố trí học Tiếng Anh, Tin học tại trường.

IV. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

1. Kết quả thực hiện năm học 2022-2023.

1.1. Số lượng người làm việc.

- Tổng số người làm việc được giao: Biên chế được giao: 50 người, Biên chế có mặt: 49, cụ thể:

Diễn giải	Hiện có	Thừa	Thiếu
1.1. Ban giám hiệu	03		
- Hiệu trưởng	1		
- Phó Hiệu trưởng	2		
1.2. Giáo viên:	42		

- GV văn hóa	34		2
- GV ngoại ngữ	3		
- Âm nhạc	1		
- Mĩ thuật	2		
- Thể dục	1		1
- Tin học	1		
1.3. Tổng phụ trách Đội	1		
1.4. Nhân viên	3		
- Thư viện + TBDH	1		
- Kế toán	1		
- Văn thư-Thủ quỹ	1		
- Y tế trường học			01
TỔNG SỐ	49	0	Thiếu 03 GV, 1 nhân viên

1.2. Thực trạng đội ngũ năm 2022-2023.

- Tổng số người làm việc có mặt đến tháng 12/2022: 49 trong đó(CBQL: 03, GV: 43, Nhân viên: 03)

- Trình độ chuyên môn: Đạt chuẩn: 49/49; 0: trên chuẩn.
- + Thạc sỹ: 0 người (chiếm 0%)
- + Đại học: 48 người (chiếm 98%)
- + Cao đẳng: 01 người (chiếm 2%)
- + Trung cấp: 0 người (chiếm 0%)
- Trình độ lý luận chính trị: 06; Trình độ quản lý: 03
- Đảng viên: 38 người (chiếm 77,5%)
- Đoàn viên Thanh niên: 10 người (chiếm 20%)
- Tỷ lệ đạt chuẩn: 100%
- Tỷ lệ GV/lớp: 1.43 đảm bảo dạy 02 buổi/ ngày theo CTGDPT 2018.

1.3. Kết quả bồi dưỡng CBQL, GV, NV.

- Chuẩn nghề nghiệp giáo viên:
 Tổng số giáo viên tự đánh giá, xếp loại: 43 người;
 Xếp loại Tốt: 37 người đạt 86%;
 Xếp loại Khá: 06 người đạt 14%;
 Xếp loại Đạt: 0 người chiếm 0 %,
 Xếp loại Chưa đạt: 0 người chiếm 0%.
- Chuẩn Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng:
 + Tự đánh giá chuẩn Hiệu trưởng: 01 người, xếp loại: Tốt
 + Tự đánh giá chuẩn Phó Hiệu trưởng: 02 người, xếp loại: Tốt

1.4. Đội ngũ GV để thực hiện CTGDPT 2018.

- Xây dựng kế hoạch triển khai tập huấn cho giáo viên thực hiện CTGDPT

2018 thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn của trường, hội nghị tập huấn, chuyên đề cấp thị xã về dạy học sách giáo khoa lớp 1,2,3. Chủ động xây dựng kế hoạch phân công giáo viên dạy học lớp 4 năm học 2023-2024, phối hợp chặt chẽ với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, các nhà xuất bản có sách giáo khoa được lựa chọn tổ chức bồi dưỡng cho 100% giáo viên dạy học lớp 4 về Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa lớp 4 nhằm chuẩn bị tốt cho năm học 2023-2024.

- Thực hiện các quy định về xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý cốt cán và giáo viên cốt cán các môn học để triển khai bồi dưỡng gắn nội dung bồi dưỡng thường xuyên với nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn trong trường và giao lưu cụm trường. Khuyến khích giáo viên tăng cường thực hiện công tác tự bồi dưỡng chuyên môn và thực hiện nghiêm túc các modul đã được bồi dưỡng.

- Tổ chức bồi dưỡng công tác nghiên cứu khoa học giáo dục tạo điều kiện cho CBGV-NV được học tập trao đổi cách viết đề tài, SKKN, giải pháp sáng tạo, cách làm mới...trong dạy học và quản lý. Chia sẻ kết quả nghiên cứu trước hội đồng khoa học của trường để nhân rộng triển khai. Hội đồng khoa học nhà trường đánh giá xếp loại chuyên cấp trên.

- Lựa chọn đội ngũ giáo viên đảm bảo số lượng và chất lượng để thực hiện kế hoạch bồi dưỡng giáo viên và ưu tiên cho giáo viên đảm nhiệm dạy khối lớp 4 tiếp cận thực hiện Chương trình GDPT 2018 từ năm học 2023-2024.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và hướng dẫn giáo viên trong tổ, nhóm chuyên môn tham gia cùng xây dựng kế hoạch cá nhân, kịp thời phát hiện thuận lợi, khó khăn và đề xuất những biện pháp giải quyết khó khăn về chuyên môn, nghiệp vụ khi thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới.

2. Kế hoạch năm học 2023-2024.

2.1. *Tổng số người làm việc được giao:* 51 người. Trong đó(CBQL: 03, GV: 45, Nhân viên: 03)

2.2. *Tổng số người làm việc có mặt đến tháng 09/2024:* 49 trong đó(CBQL: 03, GV: 42, Nhân viên: 03, 01: GVHD)

- Tỷ lệ đạt chuẩn: 100%

- Tỷ lệ GV/lớp: 1.47

2.3. *Kế hoạch đội ngũ GV để thực hiện CTGDPT 2018.*

- Chú trọng bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên về quan điểm, nội dung đổi mới giáo dục phổ thông theo Nghị quyết 29/NQ-TW.

- Đảm bảo đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đủ về số lượng, chuẩn hóa về trình độ đào tạo, đồng bộ về cơ cấu, nâng cao chất lượng theo chuẩn nghề nghiệp, thực hiện bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục để triển khai CTGDPT 2018 theo lộ trình.

- Bồi dưỡng nâng cao năng lực triển khai các nhiệm vụ cho giáo viên đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên tiểu học.

- Tổ chức bồi dưỡng cho 100% giáo viên dạy học các nội dung bồi dưỡng theo quy định của Bộ GDĐT đáp ứng thực hiện CTGDPT 2018.

2.4. Kế hoạch bồi dưỡng CBQL, GV, NV.

- 100% CB, GV hoàn thành chương trình BDTX:

+ CBQL: 03 đ/c. Đạt yêu cầu = 100%

+ Giáo viên: Giỏi: 40 đ/c = 93,2%; Khá: 03 đ/c = 6,8%; ĐYC: 0 đ/c

- Đánh giá xếp loại chuẩn Hiệu trưởng.

+ Mức tốt: 01 đ/c.

- Đánh giá xếp loại chuẩn Phó Hiệu trưởng.

+ Mức tốt: 02 đ/c.

- Đánh giá GV theo chuẩn GVNN:

+ Mức tốt: 40; Mức Khá: 03 ; Mức Đạt: 0; Chưa đạt: 0

3. Nhận xét, đánh giá.

* *Thuận lợi*: Đội ngũ GV nhà trường có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có năng lực sư phạm vững vàng, luôn cập nhật và đi đầu trong mọi hoạt động chung của nhà trường, tích cực và tự giác tham gia các cuộc thi do các cấp tổ chức.

* *Khó khăn*: Hiện tại năm học 2022-2023, 2023-2024 thiếu 04 GV, NV (03 GVVH, 01 GVTD). Khả năng ứng dụng những công nghệ mới, phần mềm mới còn hạn chế đối với một số giáo viên nên khi tham gia cuộc thi thiết kế bài giảng điện tử chưa đạt kết quả như mong muốn.

V. Cơ sở vật chất, xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia năm học 2022-2023 và kế hoạch năm học 2023-2024.

1. Kết quả thực hiện năm học 2022-2023.

- Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng dựa trên các điểm mạnh và điểm yếu đã xác định của từng tiêu chí. Phân công các nhóm công tác thực hiện thu thập xử lý các thông tin minh chứng theo từng năm học. Thường xuyên rà soát các tiêu chí trong 5 tiêu chuẩn của trường chuẩn Quốc gia để bổ sung nâng cấp. Duy trì và giữ vững trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

2. Kế hoạch năm học 2023-2024.

Thực hiện hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia chu kỳ 2020-2025.

- Tham mưu với các cấp có thẩm quyền đề nâng cấp, bổ sung các hạng mục còn thiếu so với chuẩn quy định. Làm tốt công tác tuyên truyền nhận thức trong cán bộ, giáo viên, nhân viên, các lực lượng tham gia giáo dục về các tiêu chuẩn của trường chuẩn Quốc gia.

- Thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng dựa trên các điểm mạnh và điểm yếu đã xác định của từng tiêu chí. Phân công các nhóm công tác thực hiện thu thập xử lý các thông tin minh chứng theo từng năm học. Thường xuyên rà soát các tiêu chí trong 5 tiêu chuẩn của trường chuẩn Quốc gia để bổ sung nâng cấp. Hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.

3. Nhận xét, đánh giá.

- Tỷ lệ giáo viên đứng lớp chưa đạt tỷ lệ theo các văn bản hướng dẫn nên việc sắp xếp TKB cho các môn học giờ chính khóa còn gặp nhiều khó khăn. Hiện tại nhà trường còn có 14 phòng học diện tích nhỏ, thiếu 04 phòng học văn hóa, phòng học đa chức năng, nhà đa chức năng theo Thông tin 13/2020/TT-BGDĐT và Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT năm 2020.

- Trong quá trình thu thập minh chứng một số minh chứng còn thiếu trong các năm học, các minh chứng cần phải chỉnh sửa. Nhà trường được công nhận trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 2 vào năm 2018 và trường đạt Chuẩn kiểm định chất lượng GD mức độ 3 vào năm 2015. Theo lộ trình năm 2022 nhà trường sẽ thực hiện đánh giá lại trường đạt Chuẩn Quốc gia, trường đạt KĐCLGD nhưng do CSVC nhà trường chưa đảm bảo xét về các quy định đánh giá tại Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018 về việc quy định về kiểm định CLGD và công nhận lại trường đạt Chuẩn Quốc gia đối với trường Tiểu học nhà trường hiện không đạt các quy định về Tiêu chuẩn 3, Tiêu chuẩn 2 nên việc thực hiện đánh giá đề nghị công nhận lại trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 2 và Kiểm định chất lượng mức độ 3 đến thời điểm hiện tại nhà trường chưa thực hiện được.

VI. Tổng hợp kinh phí.

1. Kết quả thực hiện năm học 2023-2024.

1.1. Tổng số kinh phí được cấp: 8.428.139.062đ

- Kinh phí chi thường xuyên: 8.118.072.453đ

- Chi thanh toán cá nhân: 6.341.111.711đ đạt tỷ lệ 78,1%.

1.2. Kinh phí không thường xuyên: 310.066.609đ. Trong đó chỉ chế độ chính sách học sinh: 145.345.353đ.

1.3. Chi mua sắm CSVC: 627.274.400đ

1.4. Chi đầu tư: Không

1.5. Việc thực hiện tự chủ: Không

1.6. Nhận xét, đánh giá.

Đủ kinh phí chi trả các khoản đảm bảo chế độ cho 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên và hỗ trợ học sinh theo quy định.

2. Dự toán năm 2024.

1.1. Tổng số kinh phí được cấp: 9.115.878.000đ

- Kinh phí chi thường xuyên: 8.966.118.000đ

- Chi thanh toán cá nhân: 7.011.298.000đ đạt tỷ lệ: 78,2%

1.2. Kinh phí không thường xuyên: 149.760.000đ. Trong đó chưa cấp nguồn chế độ chính sách học sinh.

1.3. Chi mua sắm CSVC: 645.000.000đ

1.4. Chi đầu tư: Không

1.5. Việc thực hiện tự chủ: Không

1.6. Nhận xét, đánh giá.

Dù kinh phí chi trả các khoản đảm bảo chế độ cho 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên và hỗ trợ học sinh theo quy định.

VII. Kiến nghị, đề xuất.

1. UBND xã Hồng Thái Đông.

- Đề nghị: UBND xã Hồng Thái Đông tham mưu với UBND thị xã Đông Triều tạo điều kiện bổ sung đội ngũ còn thiếu, bổ sung xây mới 04 phòng học văn hóa và một số phòng đa chức năng. Sửa chữa nâng cấp các phòng học để đáp ứng các tiêu chuẩn về đánh giá lại trường Chuẩn Quốc gia mức độ 2 và kiểm định chất lượng mức độ 3 vào năm 2025.

2. SGD&ĐT-PGD&ĐT.

- Tham mưu với lãnh đạo cấp trên bổ sung giáo viên còn thiếu, nâng cấp, sửa chữa, bổ sung, xây mới 04 phòng học văn hóa và một số phòng chức năng để đảm bảo đánh giá lại trường Chuẩn Quốc gia mức độ 2 và Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 vào năm 2025.

3. UBND thị xã.

- Tạo điều kiện bổ sung đội ngũ còn thiếu, bổ sung, nâng cấp, xây mới 04 phòng học văn hóa và một số phòng đa chức năng. Sửa chữa nâng cấp các phòng học để đáp ứng các tiêu chuẩn về đánh giá lại trường Chuẩn Quốc gia mức độ 2 và kiểm định chất lượng mức độ 3 vào năm 2025.

Trên đây là Kế hoạch phát triển của trường Tiểu học Hồng Thái Đông năm học 2023-2024./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (báo cáo);
- UBND xã(báo cáo);
- Ban giám hiệu (c/d, th/h);
- CB, GV, NV (th/h);
- Công đoàn nhà trường (p/h);
- Ban đại diện CMHS nhà trường (p/h);
- Các tổ chức, đoàn thể của nhà trường (ph/h);
- Lưu VT, BGH.

HIỆU TRƯỞNG



Dương Thị Thúy Hằng

PHÒNG GD&ĐT ĐÔNG TRIỀU

TRƯỜNG TIỂU HỌC HỒNG THÁI ĐÔNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, Giữa HKII năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh					182	
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày						
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
1	Năng lực						
	a. Tự phục vụ	410				182	228
	Chia ra: - Tốt	290				140	150
	- Đạt	120				42	78
	- Cần cố gắng	0				0	0
	b. Hợp tác	410				182	228
	Chia ra: - Tốt	258				123	135
	- Đạt	152				59	93
	- Cần cố gắng	0				0	0
	c. Tự học giải quyết vấn đề	409				182	227
	Chia ra: - Tốt	241				106	135
	- Đạt	166				74	92
	- Cần cố gắng	2				2	0
2	Phẩm chất						
	a. Chăm học chăm làm	410				182	228
	Chia ra: - Tốt	257				106	151
	- Đạt	153				76	77
	- Cần cố gắng	0				0	0
	b. Tự tin trách nhiệm	410				182	228
	Chia ra: - Tốt	268				115	153
	- Đạt	142				67	75
	- Cần cố gắng	0				0	0
	c. Trung thực kỷ luật	410				182	228
	Chia ra: - Tốt	298				145	153
	- Đạt	112				37	75
	- Cần cố gắng	0				0	0
	d. Đoàn kết yêu thương	410				182	228
	Chia ra: - Tốt	307				155	152
	- Đạt	103				27	76
	- Cần cố gắng	0				0	0
*	Về năng lực chung						

	1. Tự chủ và tự học	542	159	176	207		
	Chia ra: - Tốt	383	117	129	137		
	- Đạt	159	42	47	70		
	- Cần cố gắng	0	0	0	0		
	2. giao tiếp và Hợp tác	542	159	176	207		
	Chia ra: - Tốt	396	121	133	142		
	- Đạt	146	38	43	65		
	- Cần cố gắng	0	0	0	0		
	3. Giải quyết vấn đề và Hợp tác	542	159	176	207		
	Chia ra: - Tốt	393	125	131	137		
	- Đạt	149	34	45	70		
	- Cần cố gắng	0	0	0	0		
*	Về năng lực đặc thù						
	1.Ngôn ngữ	504	159	161	184		
	Chia ra: - Tốt	354	122	111	121		
	- Đạt	148	35	50	63		
	- Cần cố gắng	2	2	0	0		
	2. Tính toán	504	159	161	184		
	Chia ra: - Tốt	367	126	118	123		
	- Đạt	136	32	43	61		
	- Cần cố gắng	1	1	0	0		
	3. Khoa học	504	159	161	184		
	Chia ra: - Tốt	371	130	119	122		
	- Đạt	133	29	42	62		
	- Cần cố gắng	0	0	0	0		
	4. Công nghệ	184	x	x	184	x	x
	Chia ra: - Tốt	121	x	x	121	x	x
	- Đạt	63	x	x	63	x	x
	- Cần cố gắng	0	x	x	0	x	x
	5. Tin học	184	x	x	184	x	x
	Chia ra: - Tốt	123	x	x	123	x	x
	- Đạt	61	x	x	61	x	x
	- Cần cố gắng	0	x	x	0	x	x
	6. Thẩm mỹ	504	159	161	184		
	Chia ra: - Tốt	366	128	116	122		
	- Đạt	138	31	45	62		
	- Cần cố gắng	0	0	0	0		
	7. Thể chất	504	159	161	184		
	Chia ra: - Tốt	376	136	118	122		
	- Đạt	128	23	43	62		
	- Cần cố gắng	0	0	0	0		
*	Về phẩm chất chủ yếu						
	1. Yêu nước	542	159	176	207		

	Chia ra: - Tốt	422	141	141	140		
	- Đạt	120	18	35	67		
	- Cần cố gắng	0	0	0	0		
	2. Nhân ái	542	159	176	207		
	Chia ra: - Tốt	417	135	142	140		
	- Đạt	125	24	34	67		
	- Cần cố gắng	0	0	0	0		
	3. Chăm chỉ	542	159	176	207		
	Chia ra: - Tốt	401	123	138	140		
	- Đạt	139	34	38	67		
	- Cần cố gắng	2	2	0	0		
	4. Trung thực	542	159	176	207		
	Chia ra: - Tốt	414	135	141	138		
	- Đạt	128	24	35	69		
	- Cần cố gắng	0	0	0	0		
	5. Trách nhiệm	508	159	176	173		
	Chia ra: - Tốt	402	135	144	123		
	- Đạt	106	24	32	50		
	- Cần cố gắng	0	0	0	0		
*	Xếp loại GD						
	Chia ra: - HTXS						
	- HTT						
	- HT						
	- CHT						
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
	1. Tiếng Việt	952	159	176	207	182	228
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	494	92	107	125	79	91
	- Hoàn thành	448	65	69	82	97	135
	- Chưa hoàn thành	10	2	0	0	6	2
	2. Toán	951	159	176	207	182	227
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	576	120	116	140	66	134
	- Hoàn thành	373	38	60	67	115	93
	- Chưa hoàn thành	2	1	0	0	1	0
	3. Khoa học	410				182	228
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	243	x	x	x	109	134
	- Hoàn thành	167	x	x	x	73	94
	- Chưa hoàn thành	0	x	x	x	0	0
	4. Lịch sử & Địa lý	410				182	228
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	242	x	x	x	103	139
	- Hoàn thành	168	x	x	x	79	89
	- Chưa hoàn thành	0				0	0

5. Ngoại ngữ	951	159	176	206	182	228
Chia ra: - Hoàn thành tốt	478	85	94	118	76	105
- Hoàn thành	473	74	82	88	106	123
- Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
6. Tiếng dân tộc						
Chia ra: - Hoàn thành tốt						
- Hoàn thành						
- Chưa hoàn thành						
7. Tin học	749		132	207	182	228
Chia ra: - Hoàn thành tốt	473	x	90	164	111	108
- Hoàn thành	276	x	42	43	71	120
- Chưa hoàn thành	0	x	0	0	0	0
8. Đạo đức	952	159	176	207	182	228
Chia ra: - Hoàn thành tốt	652	125	118	139	116	154
- Hoàn thành	300	34	58	68	66	74
- Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
9. Tự nhiên và Xã hội	541	159	176	206		
Chia ra: - Hoàn thành tốt	364	119	112	133	x	x
- Hoàn thành	177	40	64	73	x	x
- Chưa hoàn thành	0	0	0	0	x	x
10. Âm nhạc	952	159	176	207	182	228
Chia ra: - Hoàn thành tốt	601	111	120	134	109	127
- Hoàn thành	351	48	56	73	73	101
- Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
11. Mĩ thuật	952	159	176	207	182	228
Chia ra: - Hoàn thành tốt	694	125	117	162	114	176
- Hoàn thành	258	34	59	45	68	52
- Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
12. Hoạt động trải nghiệm	541	158	176	207		
Chia ra: - Hoàn thành tốt	363	118	114	131	x	x
- Hoàn thành	178	40	62	76	x	x
- Chưa hoàn thành	0	0	0	0	x	x
13. Kỹ thuật	410	x	x	x	182	228
Chia ra: - Hoàn thành tốt	277	x	x	x	122	155
- Hoàn thành	133	x	x	x	60	73
- Chưa hoàn thành	0	x	x	x	0	0
14. Thể dục/GDTC	952	159	176	207	182	228
Chia ra: - Hoàn thành tốt	655	118	111	143	106	177
- Hoàn thành	297	41	65	64	76	51
- Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0
15. Công nghệ	207	x	x	207	x	x
Chia ra: - Hoàn thành tốt	133	x	x	133	x	x

	- Hoàn thành	74	x	x	74	x	x
	- Chưa hoàn thành	0	x	x	0	x	x
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)						
	HS ở lại lớp						
2	Khen thưởng						
a	Chia ra: - HS XS (HS XS trong học tập và rèn luyện)						
b	- HS Tiêu biểu (HS khen từng mặt)						

Hồng Thái Đông, ngày tháng 3 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG


Dương Thị Thúy Hằng

DỀ XUẤT DANH MỤC DẠY HỌC TỐI THIỂU

Theo Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

TT	Tên thiết bị	Đối tượng sử dụng		Đơn vị tính	Số lượng	Dùng cho lớp	Tổng số thiết bị hiện có	Số lượng đề nghị bổ sung		
		GV	HS					Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4
	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG									
	Bảng nhóm		x	Chiếc	01/4 đến 6HS		13	26	29	34
	Nam châm	x		Chiếc	20/lớp		80	40	120	140
	Đài đĩa	x		Chiếc	01 bộ (hoặc chiếc)/5 lớp			1	1	1
	Cán	x	x	Chiếc	02/trường				1	1
	MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT									
I	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG									
	Năm thể thao	x	x	Chiếc	20/GV		2	18		
	Bơm	x	x	Chiếc	02/trường			1	1	
	Dây nhảy cá nhân		x	Chiếc	20/GV		8		6	6
	Dây kéo co	x	x	Cuộn	02/trường			1	1	
II	THIẾT BỊ THEO CHỦ ĐỀ									
1	Tư thế và kĩ năng vận động cơ bản									
	Cầu thăng bằng thấp	x	x	Bộ	02/trường	Lớp 4				2
	Thảm xốp		x	Tấm	20/trường	Lớp 2,5	15	5		
2	Bài thể dục					Lớp 4,5				
	Vòng	x	x	Chiếc	35/GV					35
III	THIẾT BỊ DẠY HỌC MÔN THỂ THAO TỰ CHỌN									
	(Chỉ trang bị những dụng cụ/thiết bị tương ứng, phù hợp với môn thể thao được nhà trường lựa chọn)									
1	Bóng đá					Lớp 1,2,3,4,5				
	Quả bóng đá	x	x	Quả	20/GV		2	18		
	MÔN ÂM NHẠC									
I	Nhạc cụ thể hiện tiết tấu									
	Trống nhỏ	x	x	Bộ	05/GV	Lớp 1,2,3,4,5	6			4
	Song loan	x	x	Cái	10/GV	Lớp 1,2,3,4,5	15			5
	Thanh phách	x	x	Cặp	35/GV	Lớp 1,2,3,4,5	19			51
	Triangle	x	x	Bộ	05/GV	Lớp 1,2,3,4,5	7			3
II	Nhạc cụ thể hiện giai điệu									
	Kèn phím	x	x	Cái	10/GV	Lớp 4,5	5			15

	Electric keyboard (dàn phím điện tử)	x		Cây	01/GV	Lớp 1,2,3,4,5	1			1
III	Thiết bị dùng chung cho các nội dung									
	Thiết bị âm thanh đa năng di động	x	x	Bộ	01/GV	Lớp 1,2,3,4,5 (Có thể sử dụng thiết bị dùng chung)				
	MÔN MỸ THUẬT									
I	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG (trang bị cho một phòng học bộ môn)									
	Bảng vẽ cá nhân		x	Cái	35	Lớp 1,2,3,4,5				35
	Giá vẽ (3 chân hoặc chữ A)		x	Cái	35	Lớp 1,2,3,4,5	34			1
	Bục đặt mẫu	x	x	Cái	4	Lớp 1,2,3,4,5	3			1
	Các hình khối cơ bản	x	x	Bộ	1	Lớp 1,2,3,4,5				1
	Kẹp giấy	x	x	Hộp	12	Lớp 1,2,3,4,5			12	
	Tủ/giá	x	x	Cái	3	Lớp 1,2,3,4,5			3	
	Bút lông		x	Bộ	35	Lớp 1,2,3,4,5			35	
II	TRANH ẢNH PHỤC VỤ KIẾN THỨC CƠ BẢN (trang bị cho một phòng học bộ môn)									
	Tranh vẽ màu sắc	x	x	Tờ	1	Lớp 1,2,3,4,5		1		
	Bảng yếu tố và nguyên lí tạo hình	x	x	Tờ	1	Lớp 1,2,3,4,5		1		
	Hoa văn, họa tiết dân tộc	x	x	Bộ	1	Lớp 1,2,3,4,5		1		

Trường tiểu học Hồng Thái Đông

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

CÔNG KHAI CHI QUÝ I/2023

(Dùng cho đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng kinh phí NSNN)

DVT: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu báo cáo quyết toán
A	Quyết toán thu		
I	Tổng số thu		
II	Số thu nộp NSNN		
III	Số được để lại chi theo chế độ		
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước quý I/2023	1,337,760,963	1,337,760,963
1	072	1,337,760,963	1,337,760,963
	Mục 6000	736,378,235	736,378,235
	Mục 6050	0	0
	Mục 6100	363,834,354	363,834,354
	Mục 6200	0	0
	Mục 6250	0	0
	Mục 6300	180,982,053	180,982,053
	Mục 6400	7,166,900	7,166,900
	Mục 6500	10,984,821	10,984,821
	Mục 6550	0	0
	Mục 6600	4,776,200	4,776,200
	Mục 6700	3,600,000	3,600,000
	Mục 6750	30,038,400	30,038,400
	Mục 6900	0	0
	Mục 7050	0	0
	Mục 9050	0	0
	Mục 7750	0	0
C	Quyết toán chi nguồn khác		

Ngày 04 tháng 04 năm 2023

Hiệu trưởng



Dương Thị Thúy Hằng